

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2023/HS-ST

Ngày 20-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Văn Viên;

Bà Phan Minh Thi.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hà Thanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Lương Thị Thu Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 90/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Nông Văn D; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 29 tháng 6 năm 1997 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn M, sinh năm 1978 và bà Triệu Thị Đ, sinh năm 1979; vợ: Lộc Ánh T, sinh năm 1998, con: 03 con (con lớn nhất sinh năm 2018, con bé nhất sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ ngày 01/7/2023, tạm giam từ ngày 04/7/2023 đến nay. Có mặt.

- Bị hại: Bà Triệu Thị N, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Phan Diệu T, anh Trần Văn Q; cùng địa chỉ: Số X, khu Y, thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Điều vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Toàn Văn N, sinh năm 1990. Vắng mặt.
2. Chị Hứa Hồng N, sinh năm 2007. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/6/2023, Nông Văn D có vay anh Toàn Văn N số tiền 780.000 đồng. Ngày 29/6/2023, anh Toàn Văn N đòi tiền Nông Văn D. Do không có tiền trả, Nông Văn D bảo anh Toàn Văn N đưa đến nhà chị Hứa Hồng N để vay tiền. Khoảng 15 giờ cùng ngày, khi đến nhà chị Hứa Hồng N, anh Toàn Văn N đỗ xe đợi ở ngoài, còn Nông Văn D đi vào nhà, hỏi chuyện chị Hứa Hồng N và được biết bà Triệu Thị N (mẹ đẻ của Hứa Hồng N) không có nhà. Sau khi vào nhà khoảng 05 phút, Nông Văn D đi ra hiên nhà đứng và nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu V, biển kiểm soát 12VA-01xxx, màu đen bạc để trước cửa nhà, xe cắm sẵn chìa khóa. Nông Văn D mở cốp xe thấy có giấy tờ xe liền dắt xe ra cạnh nhà và nổ máy đi xuống đường gặp anh Toàn Văn N đang đứng đợi. Nông Văn D nói với anh Toàn Văn N “Đi ra N em cắm xe xong trả tiền anh”. Anh Toàn Văn N hỏi bị cáo lấy xe ở đâu thì bị cáo trả lời là xe mượn của em gái trong làng. Sau đó, Nông Văn D điều khiển chiếc xe mô tô đến cửa hàng xe máy Quân Thúy ở thị trấn N, gặp chị Phan Diệu T. Nông Văn D nói với chị Phan Diệu T là xe mua lại của em gái, có giấy đăng ký xe mang tên mẹ của em gái nên chị Phan Diệu T đồng ý nhận cầm cố chiếc xe với giá 2.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền nêu trên Nông Văn D trả lại cho Toàn Văn N 780.000 đồng, số tiền còn lại Nông Văn D đã tiêu sài cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất trộm chiếc xe mô tô, bà Triệu Thị N đã đến cơ quan Công an trình báo. Tiến hành điều tra, cơ quan Công an đã làm việc với chị Phan Diệu T và anh Trần Văn Q. Chị Phan Diệu T thừa nhận, khoảng 16 giờ ngày 29/6/2023 chị có mua với Nông Văn D một chiếc xe mô tô màu đen, biển kiểm soát 12VA-01xxx với giá 2.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS ngày 03/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn kết luận: Giá trị một chiếc xe mô tô nhãn hiệu V màu đen bạc, xe cũ đã qua sử dụng, biển kiểm soát 12VA-01xxx, số máy VBL139FMBT8308XXX, số khung RL9BCB3UMMBL 08XXX tại thời điểm định giá tháng 6/2023 là 4.767.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 89/CT-VKS ngày 06/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Nông Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nông Văn D thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và có lời xin lỗi bị hại. Lời nói sau cùng bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị hại bà Triệu Thị N khai, bà đã nhận lại chiếc xe mô tô, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại cơ quan điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Phan Diệu T và anh Trần Văn Q trình bày: Anh chị không yêu cầu bị cáo Nông Văn D phải trả lại số tiền 2.000.000 đồng mà anh chị đã bỏ ra để cầm cố chiếc xe mô tô. Khi cầm cố xe mô tô, chị Phan Diệu T không biết chiếc xe mô tô này do trộm cắp mà có. Những người làm chứng anh Toàn Văn N, chị Hứa Hồng N trình bày được chứng kiến sự việc như nội dung nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Nông Văn D phạm tội Trộm cắp tài sản, xử phạt bị cáo từ 07 đến 12 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản có giá trị. Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại đã nhận lại xe mô tô và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 2.000.000 đồng nên không đề nghị xem xét giải quyết. Bị cáo phải chịu án phí hình sự và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, họ đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét

xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 29/6/2023, tại nhà bà Triệu Thị N thuộc thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, bị cáo Nông Văn D đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp một chiếc xe mô tô nhãn hiệu V, biển kiểm soát 12VA-01xxx, có giá trị 4.767.000 đồng của bà Triệu Thị N.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, lợi dụng sự sơ hở về quản lý tài sản của bị hại để chiếm đoạt tài sản. Hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[5] Từ những phân tích trên, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nông Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo là có căn cứ.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; lần phạm tội này là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại phiên tòa, bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản có giá trị, gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Xét lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Đối với chị Phan Diệu T và anh Trần Văn Q đã bỏ ra 2.000.000 đồng cầm cố chiếc xe mô tô với bị cáo, do không biết đây là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý hình sự.

[11] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12VA-01xxx cho bà Triệu Thị N - chủ sở hữu hợp pháp của tài sản là phù hợp với quy định tại pháp luật.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại bà Triệu Thị N không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Phan Diệu T, anh Trần Văn Q không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã bỏ ra cầm cố chiếc xe mô tô là 2.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293; khoản 1 Điều 331; Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nông Văn D 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 01/7/2023).

2. Về án phí: Bị cáo Nông Văn D phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/9/2023). Người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Lãng;
- CQĐT Công an huyện Văn Lãng;
- Nhà tạm giữ Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có QL&NVLQ đến vụ án;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Hằng